

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2026
“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Mạnh

bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị L**, sinh ngày 21/4/2003; nơi cư trú: **thôn Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ**, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Kim K**, sinh ngày 31/8/1998; nơi cư trú: **thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 29/12/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị **Dương Thị L** trình bày:

Chị kết hôn với anh **K** ngày 22/4/2021, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh**

Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh **K**, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh **K**.

Về con chung: Chị và anh **K** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Duy K1**, sinh ngày 13/08/2021, hiện nay cháu **K1** đang ở cùng anh **K**. Ly hôn, chị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ và làm tại **quán H1 ở L**, thu nhập khoảng hơn 10 triệu/tháng.

Đối với anh **Nguyễn Kim K** là bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thể hiện địa phương nghe nói do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng anh **K**, chị **L** không hòa thuận còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì địa phương không nắm được và gia đình anh **K** là ông **Nguyễn Văn H** (bố đẻ của anh **K**) cho biết: Khoảng tháng 10/2023 ông **H** thấy anh chị nói với ông rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn tình cảm. Gia đình ông cũng đã nhiều lần khuyên bảo để anh chị hàn gắn nhưng không thành. Chị **L** về nhà mẹ đẻ và sống ly thân với anh **K** từ đó đến nay. Hiện nay anh **K** đang đi làm ăn xa nhưng gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh **K**, anh **K** cũng thường xuyên về nhà. Các lần Tòa án gửi giấy báo, giấy triệu tập gia đình ông đều nhận được và đã thông báo trực tiếp với anh **K** nhưng do bận công việc anh **K** không đến Tòa án làm việc được. Anh **K** có nhờ ông nhắn giúp với Tòa án, anh **K** cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn được, cũng nhất trí ly hôn để vợ chồng giải thoát cho nhau. Về con chung, nếu chị **L** xin nuôi con anh cũng đồng ý, nếu chị **L** muốn để cho anh nuôi con, anh cũng hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị **L** được ly hôn anh **K**; giao cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **K1**, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí, chị **L** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị **Dương Thị L** và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn và đề nghị về nuôi con chung”. Bị đơn là anh **Nguyễn Kim K** có địa chỉ tại **thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Khu vực 11 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh **K** nhưng anh **K** cố tình vắng mặt không đến tòa. Tòa án đã tiến hành giao nhận hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **K**, nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **K**.

[2] Nội dung vụ án: cuộc hôn nhân giữa chị **Dương Thị L** và anh **Nguyễn Kim K** là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Chị **L** về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 10/2023 cho đến nay.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị **L** và anh **K** mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh **K** cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị **L** có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh **K** không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và gia đình anh **K**. Do vậy đề nghị của chị **L** xin ly hôn anh **K** là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Xét đề nghị về việc xin nuôi con chung của chị **L** thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị **L** và anh **K** đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Mặc dù hiện nay cháu **K1** đang ở cùng gia đình anh **K** nhưng cháu còn nhỏ, rất cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhiều hơn. Bản thân chị **L** có chỗ ở, có thu nhập ổn định đảm bảo để nuôi con. Kết quả xác minh tại gia đình anh **K** thể hiện anh **K** có nhẫn với gia đình nếu chị **L** xin nuôi con anh cũng đồng ý, nếu chị **L** muốn để cho anh nuôi con, anh cũng hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Do vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung sau khi bố mẹ ly hôn cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Duy K1**, xác nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu anh **K** có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Dương Thị L** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: cho chị **Dương Thị L** được ly hôn anh **Nguyễn Kim K**.

Giao cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Duy K1**, sinh ngày 13/8/2021. Xác nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị **L** không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị **Dương Thị L** phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007344 ngày 30/12/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị **L** đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị **L** có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh **K** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Thái Hòa-Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Lực